

Số: 03.03/2023/CBGVL-SXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

## **CÔNG BỐ**

### **GIÁ MỘT SỐ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 9 VÀ QUÝ III NĂM 2023**

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Giá ngày 01/01/2012;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ các văn bản của UBND Thành phố: số 5269/VP-ĐT ngày 31/5/2021 về việc thực hiện các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và biến động giá thép đến các hoạt động xây dựng; số 3774/UBND-KT ngày 29/10/2021 về việc thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Trên cơ sở kết quả khảo sát thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Hà Nội tháng 9 và quý III năm 2023, ý kiến thống nhất của Liên ngành (Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải) tại cuộc họp về phương án công bố giá vật liệu xây dựng tháng 9 và quý III năm 2023, Sở Xây dựng tổng hợp và công bố giá vật liệu xây dựng tháng 9 và quý III năm 2023 như sau:

#### **1. Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố:**

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn thành phố Hà Nội là giá trung bình đến chân công trình tại thời điểm tháng 9 và quý III năm 2023, đã bao gồm các loại thuế và phí theo quy định (chưa bao gồm VAT). Chi tiết trong Phụ lục kèm theo Công bố giá một số vật liệu xây dựng tháng 9 và quý III năm 2023.

**2. Chủ đầu tư và tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khoảng cách, cự ly vận chuyển, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn chủng loại vật liệu phù hợp yêu cầu thiết kế và xác định giá phù hợp giá thị trường, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.**

**3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;**

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

3. Trường hợp các vật liệu chỉ có giá bán tại mỏ thì giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo hướng dẫn tại theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Cụ thể:

*"1.2.1.2. Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình ( $G^{vl}$ ):*

*Giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo công thức:*

$$G^{vl} = G^{ng} + C^{v/c} + C^{bx} + C^{vcnb} + C^{hh} \quad (4.2)$$

*Trong đó:*

- $G^{ng}$ : giá vật liệu tại nguồn cung cấp;
- $C^{v/c}$ : chi phí vận chuyển đến hiện trường công trình (bao gồm cả chi phí trung chuyển, nếu có);
- $C^{bx}$ : chi phí bốc xếp (bao gồm cả chi phí bốc lên, xếp xuống) (nếu có);
- $C^{vcnb}$ : chi phí vận chuyển nội bộ trong công trình (nếu có);
- $C^{hh}$ : chi phí hao hụt bảo quản tại hiện trường công trình (nếu có).

*Bảng tính giá vật liệu đến hiện trường công trình được tổng hợp theo hướng dẫn tại Bảng 4.1 dưới đây. Trong đó, chi phí vận chuyển đến công trình xác định trên cơ sở phương án vận chuyển (cự ly, cước, cấp đường vận chuyển, loại, tải trọng phương tiện vận chuyển) phù hợp với tiến độ thi công xây dựng và cước vận chuyển, định mức vận chuyển, giá dịch vụ vận chuyển."*

5. Trường hợp các loại vật liệu trong bảng công bố có giá biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố hoặc không có trong công bố giá: Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ("*Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư này*") khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế và điều kiện kỹ thuật của từng công trình; Có thể tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự được công bố tại các địa phương lân cận đảm bảo mức giá phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu.

Khi chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu cần lưu ý:

- Các chủng loại vật liệu được sử dụng phải phù hợp với hồ sơ thiết kế, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về kỹ thuật và quy định về Quản lý vật liệu xây dựng tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, có Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm theo các quy định hiện hành.

- Thông tin giá của các loại vật liệu từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng phải có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, giá của các loại vật liệu sử dụng đảm bảo phù hợp tại thời điểm lập dự toán.



Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động giá, đề nghị các đơn vị tổng hợp gửi về Sở Xây dựng (gửi kèm theo hồ sơ xác định giá) để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c: Giám đốc Sở | (để b/c);
- Các đ/c: PGĐ Sở
- Các Sở: TC, NTPNT, CT, GTVT;
- Văn phòng (để đăng Website của Sở);
- Lưu: KTXD.<sub>(T.Anh)</sub>

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mạc Đình Minh**



Stt	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Giá công bố Quý III năm 2023 (Chưa VAT)
	<b>CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC</b>		
	<b>Nắp hồ ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite</b>		
1	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.100.000
2	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	cái	3.100.000
3	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 40 tấn	cái	4.100.000
4	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 12.5 tấn	cái	1.500.000
5	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 25 tấn	cái	2.000.000
6	Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 40 tấn	cái	2.500.000
7	Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.130.000
8	Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 25 tấn	cái	2.550.000
9	Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 40 tấn	cái	2.950.000
10	Nắp hồ ga Composite, Gang 950x950 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.700.000
11	Nắp hồ ga Composite, Gang 950x950 tải trọng 25 tấn	cái	4.050.000

Stt	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Giá công bố Quý III năm 2023 (Chưa VAT)
12	Nắp hồ ga Composite, Gang 950x950 tải trọng 40 tấn	cái	4.500.000
13	Nắp hồ ga Composite, Gang 1000x1000 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.800.000
14	Nắp hồ ga Composite, Gang 1000x1000 tải trọng 25 tấn	cái	4.450.000
15	Nắp hồ ga Composite, Gang 1000x1000 tải trọng 40 tấn	cái	4.950.000
16	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.200.000
17	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 25 tấn	cái	3.330.000
18	Nắp hồ ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 40 tấn	cái	4.080.000
19	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 12.5 tấn	cái	2.400.000
20	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 25 tấn	cái	3.850.000
21	Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 40 tấn	cái	4.350.000